

Bản án số: **09/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 05 - 02 - 2021

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Thật

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Chuyên

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 679/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị A**, sinh năm: 1980;

Nơi cư trú: thôn NH1, xã EK, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh M**, sinh năm: 1983;

Nơi cư trú: thôn XH, xã NP, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị A trình bày:

Bà Bùi Thị A và ông Nguyễn Thanh M tự nguyện kết hôn và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã EK, huyện Ea Kar năm 2016. Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Bùi Thảo V, sinh ngày: 18/3/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019, xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống và nuôi dạy con cái. Tháng 3 năm 2020, ông M đưa cháu V về XH, NP sinh sống cho đến nay. Thời gian này vì ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 nên bà A không đến thăm cháu V được. Nay bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông M; yêu cầu được nuôi cháu V, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Tại biên bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thanh M trình bày:

Ông Nguyễn Thanh M xác nhận nội dung trình bày của bà Bùi Thị A về thời gian kết hôn, con chung, mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Ông M xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với bà Bùi Thị A. Tháng 3 năm 2020, ông M đi làm, bà A chăm cháu Nguyễn Bùi Thảo V, sinh ngày: 18/3/2017 nhưng để cháu bị tai nạn, chân cháu kẹt vào xe gây thương tích nên ông M đưa cháu về nhà cha mẹ ruột tại XH, xã NP để chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay. Từ đó đến nay, bà A không phụ cấp nuôi dưỡng cháu V mà chỉ một vài lần đến thăm cháu rồi về. Hiện nay, cuộc sống, học tập của cháu V đã ổn định và ông M có đủ điều kiện kinh tế, thời gian để chăm sóc cháu V nên ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án không thuộc trường hợp có đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị A và ông Nguyễn Thanh M đủ điều kiện kết hôn và tự nguyện đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã EK, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk năm 2016 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91, ngày 01 tháng 9 năm 2016, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông M là hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân từ đầu năm 2019, bà A và ông M đã phát sinh mâu thuẫn và mỗi người sống mỗi nơi từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay. Bà A, ông M xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà A yêu cầu ly hôn ông M đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định việc bà A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Bùi Thị A và ông Nguyễn Thanh M có một con chung là Nguyễn Bùi Thảo V, sinh ngày: 18/3/2017. Sau khi bà A và ông M xảy ra mâu thuẫn thì từ tháng 3/2020 đến nay, ông M là người chăm sóc, nuôi dưỡng, chăm lo việc học tập của cháu V. Bà A và ông M đều có công việc, thời gian và thu nhập ổn định để nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, thời gian qua, bà A ít quan tâm, thăm nom, chăm sóc và không chu cấp tiền nuôi dưỡng cháu V; bà A đang trực tiếp nuôi dưỡng 01 con riêng của mình nên việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V sẽ không đảm bảo được điều kiện vật chất để chăm sóc cho 02 cháu. Hiện nay, cháu V được ông M chăm sóc tốt, có môi trường sống, học tập ổn định. Sau khi ly hôn, trách nhiệm của bà A và ông M là phải đảm bảo cuộc sống và sự phát triển bình thường, toàn diện của cháu V, tránh việc gây

xáo trộn đời sống, sinh hoạt bình thường của cháu V, nên việc bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu V là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định yêu cầu của ông M về việc tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Bùi Thảo V đến tuổi trưởng thành là có căn cứ, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp yêu cầu của ông M; ông M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa không xem xét. Không chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị A về việc yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bùi Thảo V.

[4] Về tài sản chung: Bà Bùi Thị A và ông Nguyễn Thanh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Bùi Thị A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Bà Bùi Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Thanh M.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Bùi Thảo V, sinh ngày: 18/3/2017 cho ông Nguyễn Thanh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Ông M không yêu cầu bà Bùi Thị A cấp dưỡng nuôi con chung. Bà A được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà A, ông M có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Bùi Thị A và ông Nguyễn Thanh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0009980 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* *Quy định chung:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
 - VKSND thị xã Ninh Hòa;
 - Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
 - Các đương sự;
 - UBND xã EK, huyện Ea Kar
- số 91 ngày 01/9/2016;
- Lưu hồ sơ;
 - Lưu vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Minh Thật